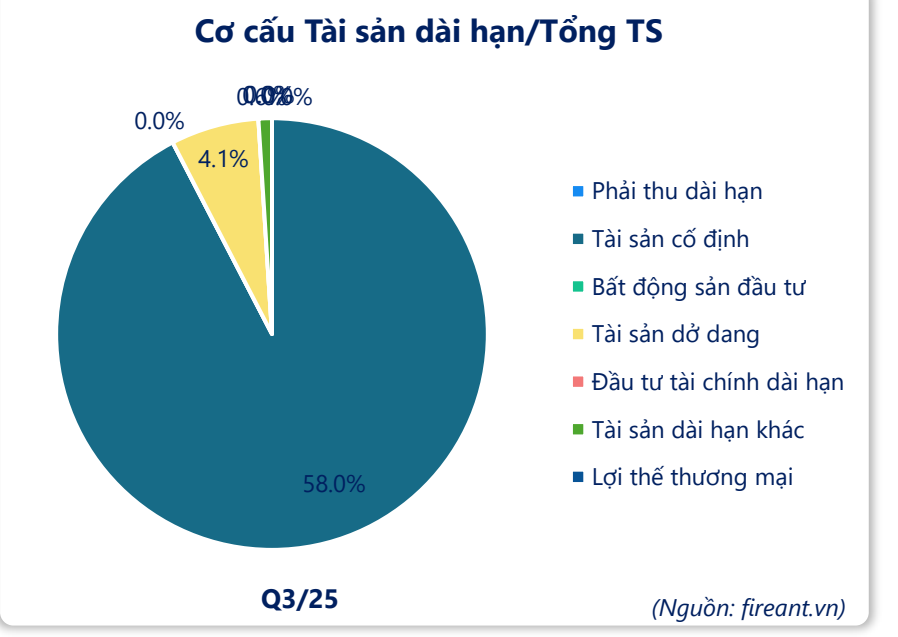
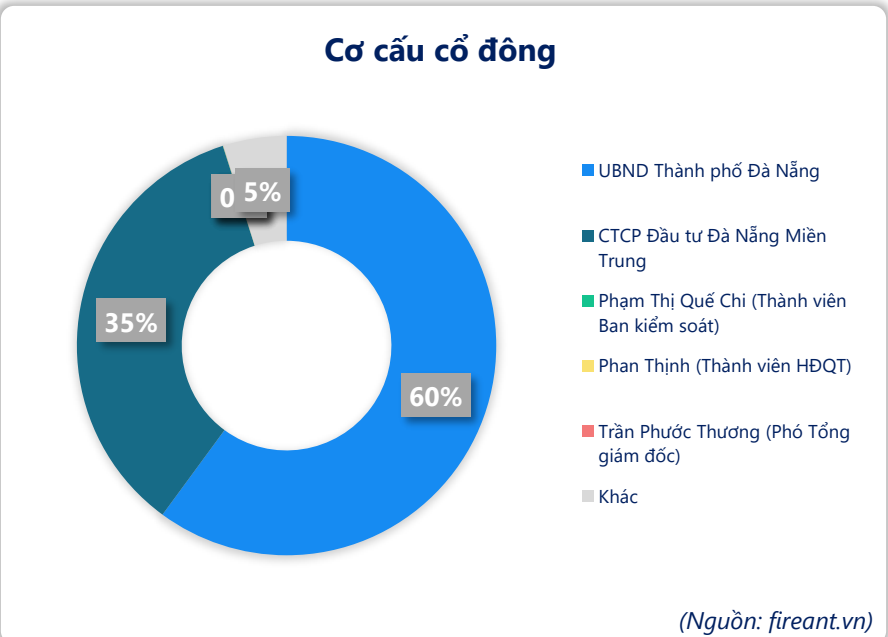
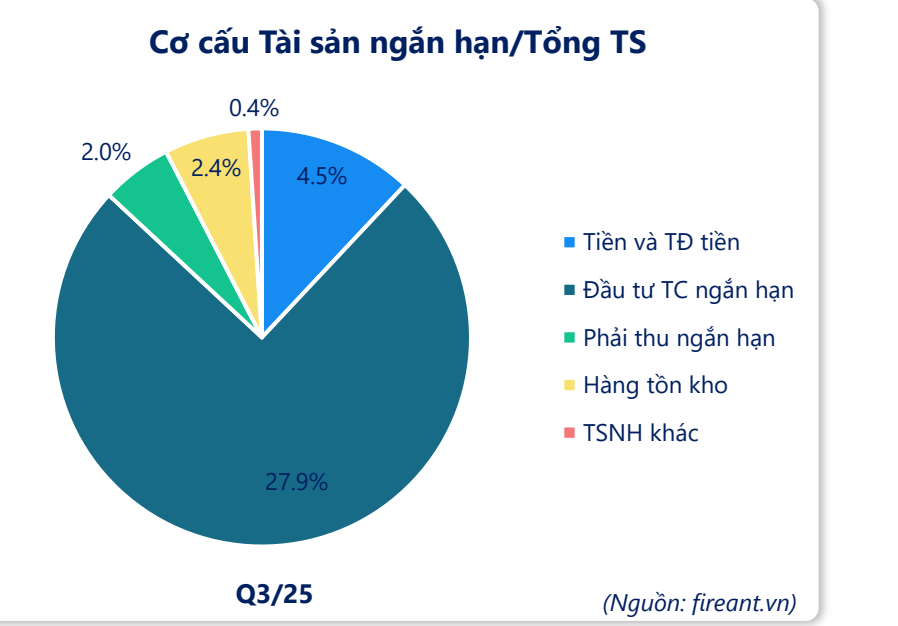
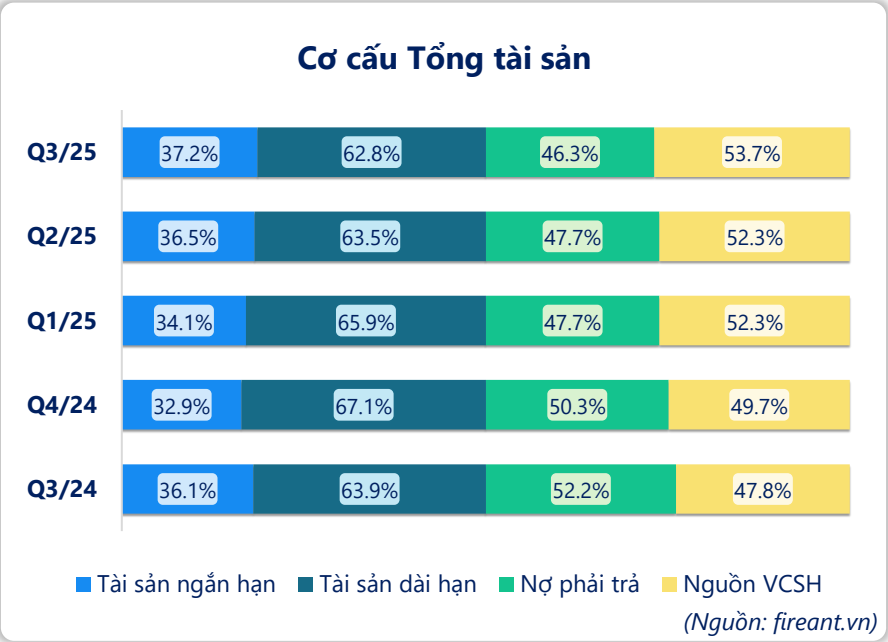
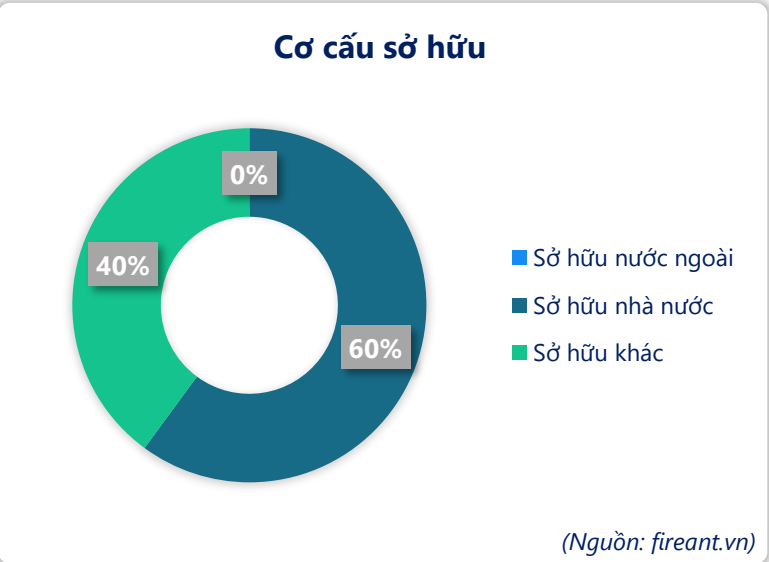
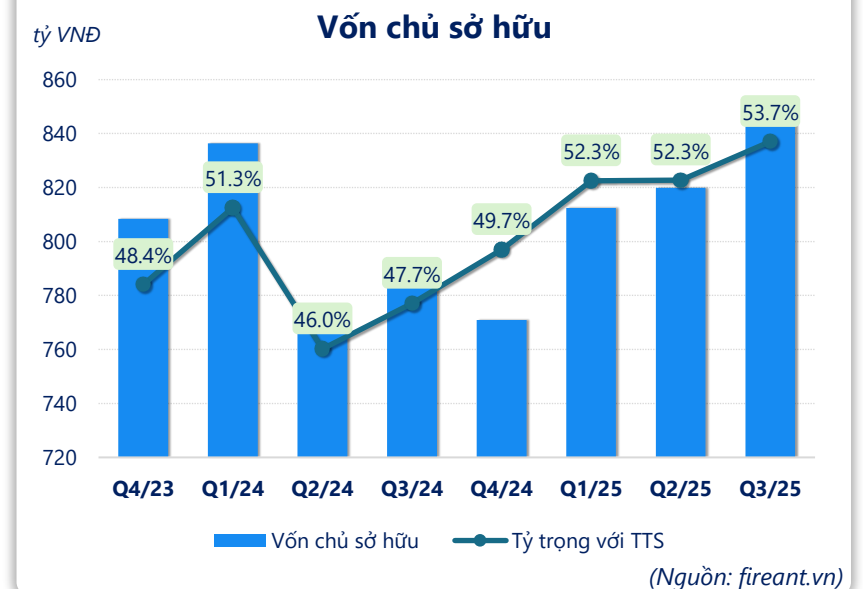
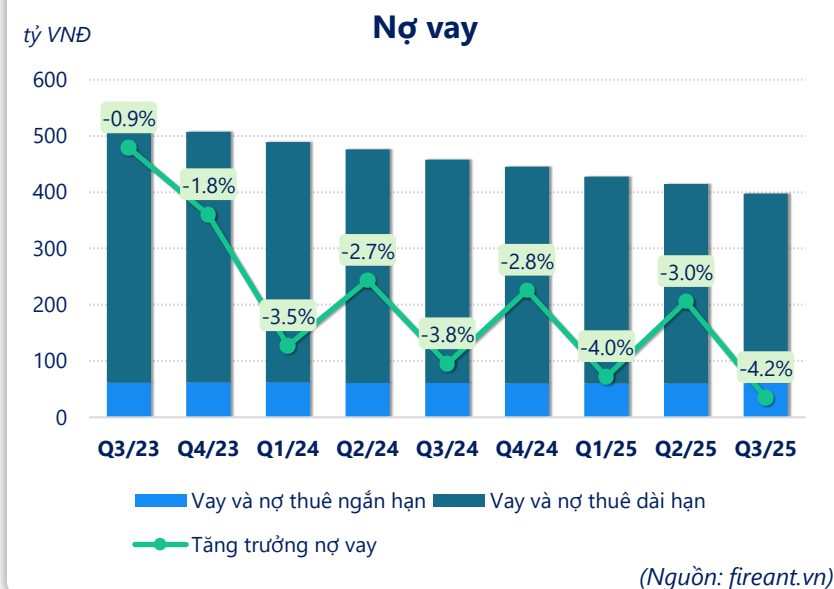
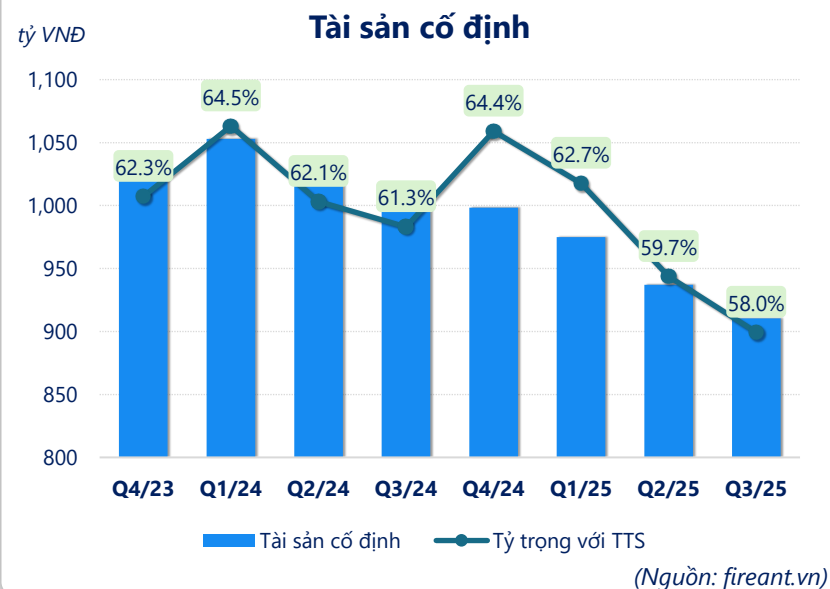
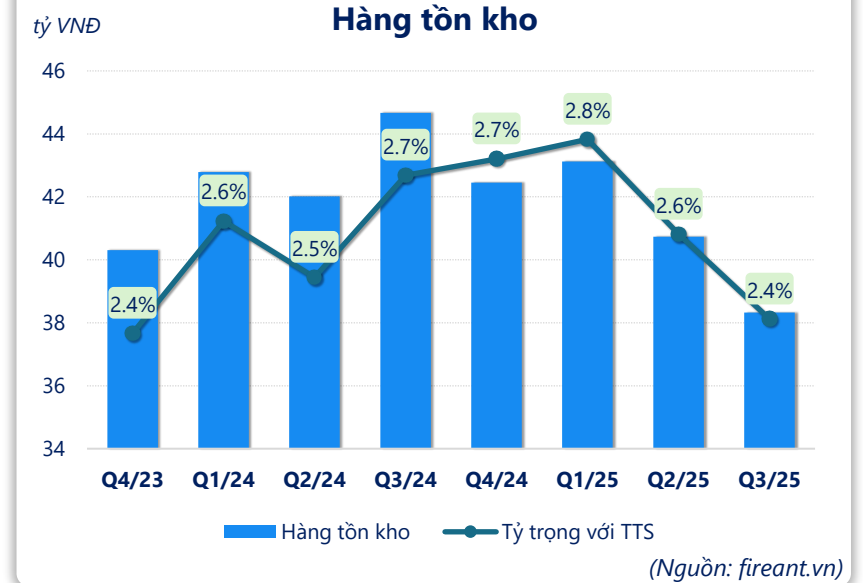
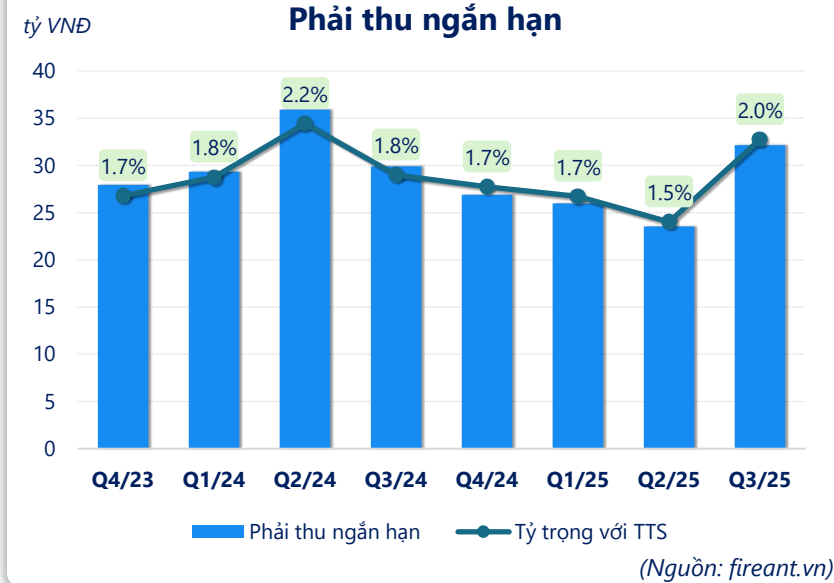
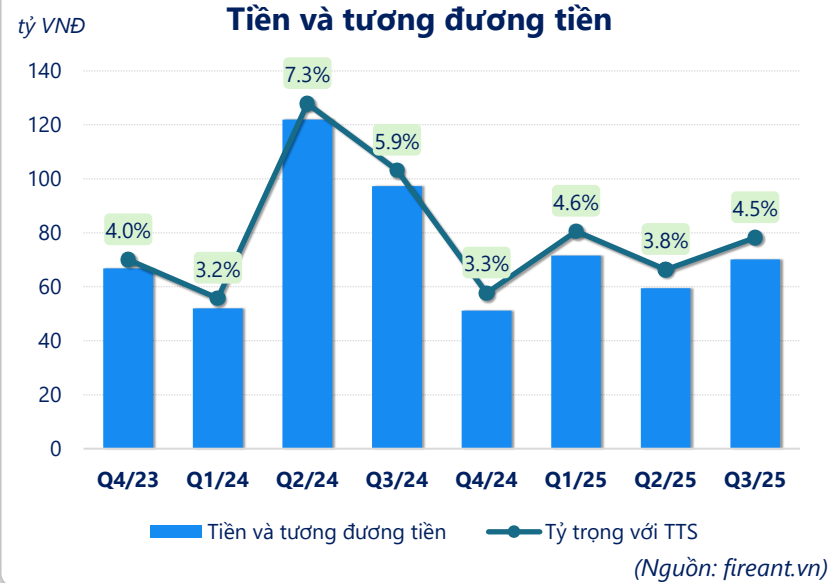
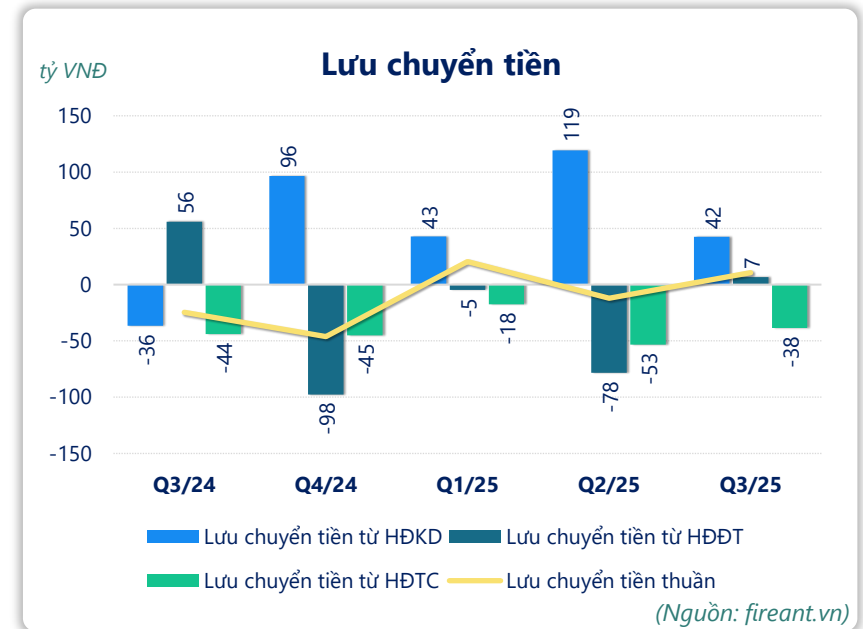
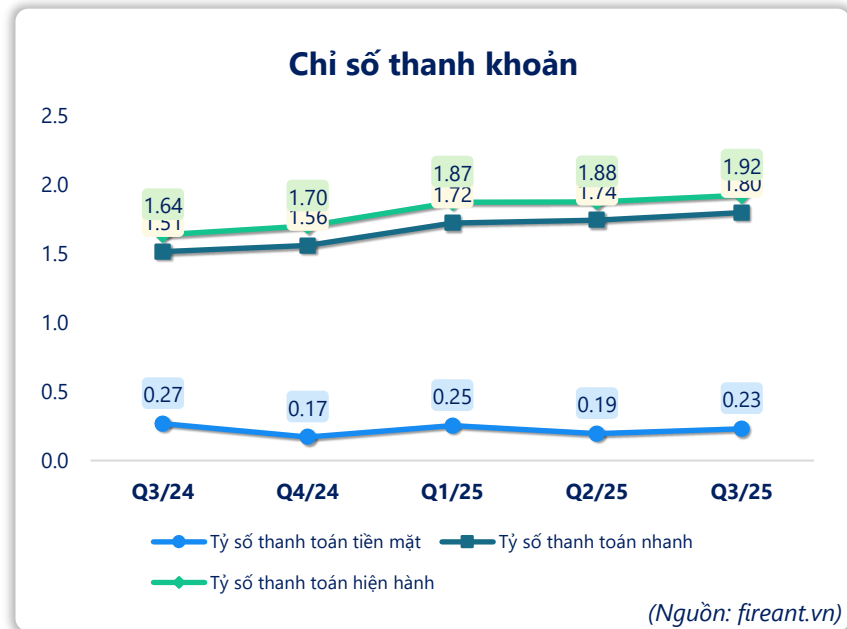
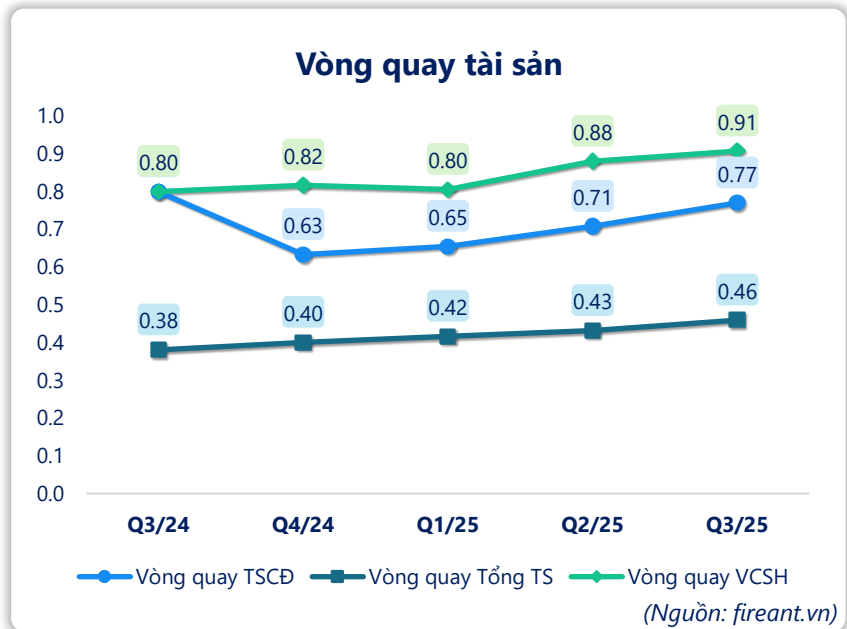
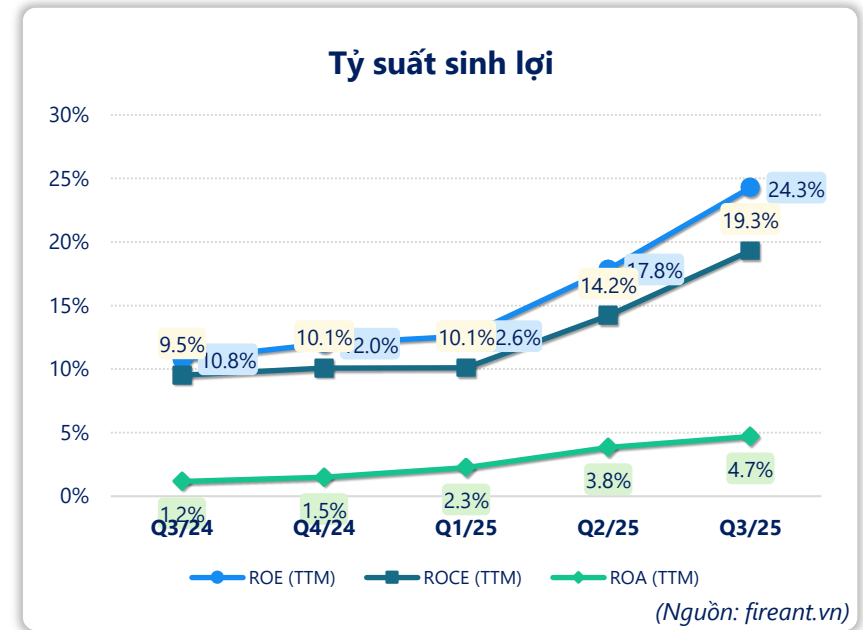
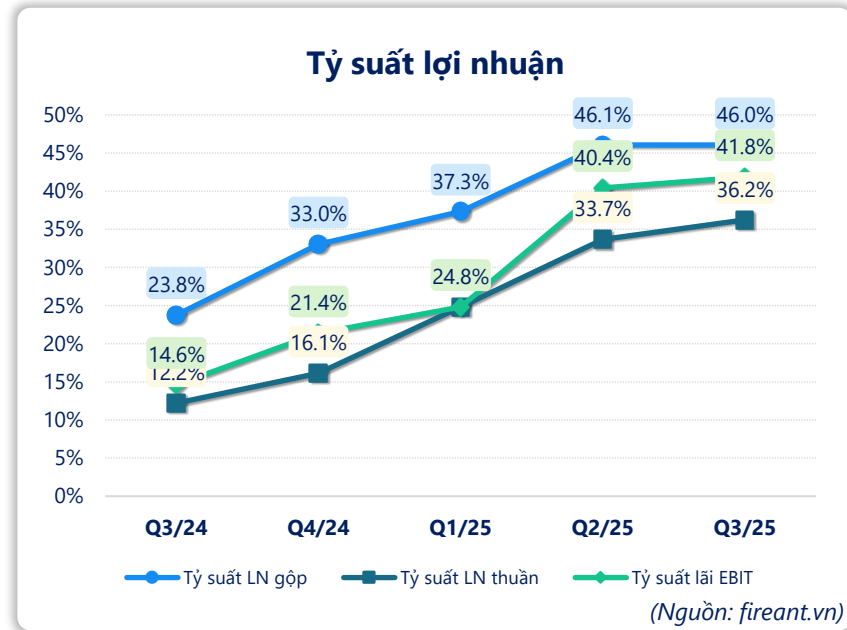
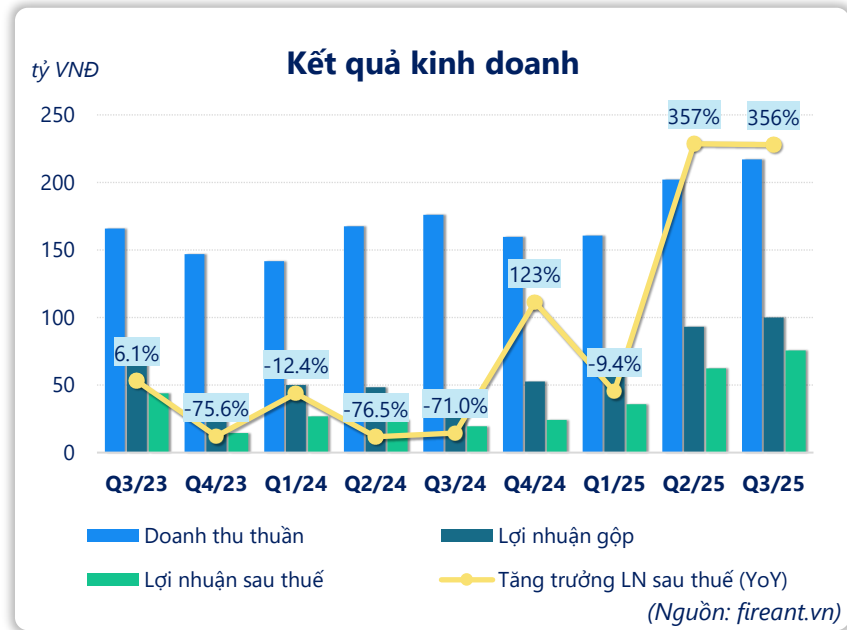


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		151
SL cổ phiếu LH		57,964,061
KLGD BQ 20 phiên (CP)		110
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		185
P/E		0.9
EPS		3,415

	YTD	1T	3T	6T
DNN	2014.3%	14.3%	225.3%	2014.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,570	1,556	1.0%
Tài sản ngắn hạn	585	510	14.7%
Tiền và tương đương tiền	70.2	51.1	37.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	438	361	21.3%
Phải thu ngắn hạn	32.1	27.3	17.8%
Hàng tồn kho	38.3	42.4	-9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.05	27.6	-78.1%
Tài sản dài hạn	985	1,046	-5.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	910	1,003	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.1	33.2	95.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.93	9.48	4.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	726	778	-6.7%
Nợ ngắn hạn	304	299	1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.4	60.5	-0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.2	42.5	-0.5%
Nợ dài hạn	422	480	-11.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	337	385	-12.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	844	777	8.6%
Vốn chủ sở hữu	843	777	8.6%
Vốn điều lệ	580	580	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.58	0.58	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	176	160	161	202	217
Giá vốn hàng bán	134	107	101	109	117
Lợi nhuận gộp	41.8	52.7	59.9	93.0	99.9
Doanh thu HĐTC	6.10	5.56	5.35	6.04	7.05
Chi phí TC	6.65	7.22	5.74	6.47	5.89
Chi phí lãi vay	4.20	7.22	0	12.2	5.89
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.52	9.76	9.29	11.2	10.4
Chi phí QLDN	10.3	15.6	10.4	13.4	12.1
LN thuần từ HĐKD	21.5	25.7	39.8	68.0	78.7
Lợi nhuận khác	0.02	1.15	0.02	1.44	6.28
LN trước thuế	21.5	26.9	39.9	69.5	84.9
Lợi nhuận sau thuế	19.3	24.2	35.9	62.3	75.6
LNST của CĐ cty mẹ	19.3	24.2	35.9	62.3	75.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-36.5	96.4	42.9	119	42.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	55.7	-97.6	-4.77	-78.2	6.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-43.9	-45.0	-17.6	-53.2	-38.4
Tiền đầu kỳ	122	97.3	51.1	71.6	59.5
Lưu chuyển tiền thuần	-24.6	-46.2	20.5	-12.1	10.7
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	97.3	51.1	71.6	59.5	70.2

(Nguồn: fireant.vn)